UỶ BAN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 2002 /QĐ-UBND	*Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2013*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy định "Một số nội dung chi và mức hỗ trợ đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội"

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60 /2003/NĐ-CP ngày 6/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của liên Bộ: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Xét đề nghị của liên Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Tài chính Hà Nội tại Tờ trình số 206/TTrLS-TC-NN&PTNT ngày 22/10/2012; các văn bản giải trình 2403/SNN-TCKT ngày 18/12/2012; số 103/SNN-KN ngày 17/01/2013 của Sở Nông nghiệp và PTNT,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định "Một số nội dung chi và mức hỗ trợ đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội"

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy định này đảm bảo đúng mục đích, đúng đối tượng, đúng chế độ tài chính hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kho bạc Nhà nước thành phố

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Hà Nội; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã; Giám đốc Trung tâm khuyến nông Hà Nội và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Các Bộ: Tài chính, NN&PTNT;
- Đồng chí Chủ tịch UBND TP; (để báo cáo);
- Các PCT UBND TP;
- Cục Kiểm tra VB QPPL (Bộ Tư pháp);
- Website Chính phủ;
- CVP, PVP Nguyễn Ngọc Sơn;
- TH, NNNT, Trung tâm Công báo;
- Lưu VT, NNNT (Tùy 2b).

58

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Xuân Việt

www.LuatVietnam.vn

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 05 tháng 3 năm 2013

QUY ĐỊNH
Một số nội dung chi và mức hỗ trợ đối với hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định Số: 2002 /QĐ-UBND ngày 05 / 3/2013 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số nội dung chi và mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp kinh tế của ngân sách Thành phố cho các hoạt động khuyến nông, bao gồm các chương trình, dự án, mô hình khuyến nông thuộc các lĩnh vực:

1. Ngành nghề sản xuất, chế biến, bảo quản, tiêu thụ trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, thủy nông, cơ điện nông nghiệp, ngành nghề nông thôn;

2. Dịch vụ nông nghiệp nông thôn bao gồm giống, bảo vệ thực vật, thú y, vật tư nông nghiệp, thiết bị, máy cơ khí, công cụ nông nghiệp, thủy nông, nước sạch, vệ sinh môi trường nông thôn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sản xuất: Nông dân tham gia sản xuất; chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã; công nhân trong các nông, lâm trường; doanh nghiệp vừa và nhỏ;

2. Người hoạt động khuyến nông tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Quy định này.

3. Các tổ chức khuyến nông thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Quy định này.

4. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

1. *Chương trình khuyến nông Thành phố* là tập hợp các mô hình, dự án khuyến nông liên quan đến các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quy định này phù hợp với quy hoạch phát triển nông nghiệp, nông thôn của Thành phố.

2. *Nhiệm vụ khuyến nông thường xuyên* là nhiệm vụ khuyến nông cụ thể thực hiện thường xuyên hàng năm.

3. *Mô hình khuyến nông* là việc thực hiện các biện pháp khoa học kỹ thuật, quản lý mới ở các khâu sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, bảo quản, tiêu thụ sản phẩm trong các lĩnh vực quy định tại Điều 1 Quy định này trên địa bàn thành phố, nhằm áp dụng các tiến bộ khoa học công nghệ, tiến bộ về quản lý có quy mô phù hợp để làm mẫu nhân ra diện rộng.

4. *Điểm trình diễn* là cụ thể hoá của mô hình khuyến nông ở một địa điểm tập trung với quy mô nhất định.

5. *Dự án khuyến nông* là dự án thực hiện chương trình, đề án khuyến nông được phê duyệt với các mục tiêu rõ ràng được thực hiện theo quy mô vùng và thực hiện trong một thời gian xác định.

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động, lựa chọn mô hình, sử dụng kinh phí khuyến nông

1. Việc bố trí kinh phí khuyến nông phải xuất phát từ nhu cầu của nông dân và được sử dụng cho những hoạt động khuyến nông phù hợp với chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của Thành phố theo chương trình, đề án, dự án khuyến nông được Ủy ban nhân dân Thành phố hoặc Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt;

2. Phát huy vai trò chủ động, tham gia tích cực, tự nguyện của nông dân vào hoạt động khuyến nông. Xã hội hóa hoạt động khuyến nông, đa dạng hóa dịch vụ, huy động nguồn lực các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia hoạt động khuyến nông;

3. Việc xây dựng mô hình, dự án khuyến nông phải có mục tiêu rõ ràng, mang lại hiệu quả về mặt kinh tế - xã hội, không gây tác động xấu đến môi trường, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm tăng thu nhập cho người sản xuất và có khả năng nhân ra diện rộng;

4. Nội dung, phương pháp triển khai phải phù hợp với từng địa bàn, nhóm đối tượng và cộng đồng dân tộc khác nhau;

5. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông thực hiện theo khoản 3 Điều 4 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của liên bộ Bộ Tài chính- Bộ Nông nghiệp và Phát triển

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

6. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông thực hiện theo khoản 4 Điều 4 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của liên bộ Bộ Tài chính- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

7. Thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch có sự giám sát của cộng đồng trong hoạt động khuyến nông.

Điều 5. Nguồn kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến nông

1. Nguồn kinh phí ngân sách Thành phố, ngân sách các quận, huyện, thị xã thực hiện theo quy định phân cấp của thành phố và quy định của Luật Ngân sách nhà nước;

2. Thu từ thực hiện các hợp đồng tư vấn và dịch vụ khuyến nông;

3. Tài trợ và đóng góp hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước;

4. Nguồn thu hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
NỘI DUNG CHI VÀ MỨC CHI CỤ THỂ

Điều 6. Nội dung chi, mức chi hoạt động khuyến nông

1. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo:

1.1. Đối tượng:

a) Đối tượng tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo gồm các đối tượng được quy định tại khoản 1, Điều 2 Quy định này nhưng chưa tham gia chương trình đào tạo nghề do Nhà nước hỗ trợ;

b) Người hoạt động khuyến nông theo quy định tại khoản 2, Điều 2 Quy định này.

1.2. Nội dung chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo, gồm:

a) Chi biên soạn, in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; xây dựng băng đĩa hình kỹ thuật; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có).

b) Chi ra đề thi, coi thi, chấm thi, hội đồng xét kết quả, in, cấp chứng chỉ.

c) Chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật (nếu có), chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có);

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

d) Chi cho học viên: Hỗ trợ tiền ăn, đi lại; tiền ở (nếu có);

đ) Chi tổ chức cho học viên đi khảo sát thực tế (nếu có);

e) Chi khác: Khai giảng, bế giảng, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

1.3. Nội dung, hình thức, quy mô và thời gian tập huấn, đào tạo:

a) Nội dung: Đối với người sản xuất để hiểu biết về chính sách pháp luật, truyền nghề cho nông dân; về kỹ năng, quy trình sản xuất; tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh. Đối với người hoạt động khuyến nông để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

b) Hình thức, quy mô và thời gian:

Bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo thông qua mô hình khuyến nông cho người sản xuất tham gia mô hình và những người ngoài mô hình; hình thức tổ chức tại chỗ hoặc tập trung, có thể thuê cơ sở đào tạo nghề có chức năng đào tạo ngành nghề phù hợp với mô hình khuyến nông triển khai hoặc thông qua đào tạo từ xa trên kênh truyền hình.

Qua trang thông tin điện tử khuyến nông trên Internet;

Tổ chức khảo sát học tập trong nước và ngoài nước;

Tổ chức các lớp học phải gắn lý thuyết với thực hành;

Lớp bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo cho người sản xuất và người hoạt động khuyến nông thời gian không quá 01 tháng và không quá 30 người/lớp.

Giảng viên nòng cốt là các chuyên gia, cán bộ khuyến nông có trình độ Đại học trở lên, các nông dân sản xuất giỏi, các cá nhân điển hình tiên tiến, có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất, kinh doanh và đã qua đào tạo về kỹ năng khuyến nông.

1.4. Mức hỗ trợ:

a) Đối với người sản xuất:

(1) Người nông dân sản xuất được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn tối đa không quá 70.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo tổ chức tại Thành phố; không quá 50.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp tập huấn, đào tạo tổ chức tại quận, huyện, thị xã; không quá 25.000 đồng/ngày thực học/người đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo tổ chức tại xã, phường, thị trấn. Hỗ trợ tiền đi lại theo giá giao thông công cộng với mức tối đa không quá 200.000 đồng/người/khoá học đối với người học xa nơi cư trú từ 15 km trở lên; đối với nơi không có phương tiện giao thông công cộng thanh toán theo mức khoán tối đa không quá 150.000 đồng/người/khóa học.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ (chi phí điện, nước, chi phí khác - nếu có); Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì đơn vị tổ chức được hỗ trợ 100% chi phí. Mức hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không vượt mức theo quy định hiện hành của Uỷ ban nhân dân thành phố về chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn Thành phố.

(2) Đối với người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, xã viên tổ hợp tác và hợp tác xã; công nhân trong các nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại tối đa không quá 50% theo mức quy định tại tiết (1), điểm a, mục 1.4, khoản 1, Điều 6 Quy định này.

Đối với chỗ ở cho người học: Nếu đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ (chi phí điện, nước, chi phí khác - nếu có); Trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì đơn vị tổ chức được hỗ trợ 50% chi phí. Mức hỗ trợ theo thực tế nhưng tối đa không vượt mức theo quy định hiện hành của UBND thành phố về chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thành phố.

(3) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực khuyến nông được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham dự bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo.

b) Đối với người hoạt động khuyến nông:

(1) Người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học;

Đối với chỗ ở cho người học: Đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ: Chi phí điện, nước, chi phí khác (nếu có); trường hợp thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí. Mức hỗ trợ theo quy định hiện hành của thành phố về chế độ công tác phí, chế độ tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp trên địa bàn thành phố.

(2) Người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định tại tiết (1), điểm a, mục 1.4, Điều 6 quy định này.

c) Chi bồi dưỡng giảng viên, trợ giảng (hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật); Phụ cấp tiền ăn, tiền đi lại, tiền thuê phòng nghỉ cho giảng viên thực hiện theo Thông tư 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức và Thông tư số 97/2010/TT-

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 07/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020" như sau: Người dạy nghề (cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh và các Trung tâm khuyến nông, nông dân sản xuất giỏi tham gia dạy nghề cho lao động nông thôn) được trả tiền công giảng dạy với mức tối thiểu 25.000 đồng/giờ; người dạy nghề là các thạc sĩ, tiến sĩ khoa học, tiến sĩ trong lĩnh vực nông nghiệp, nghệ nhân cấp tỉnh trở lên được trả tiền công giảng dạy với mức tối thiểu 300.000 đồng/buổi. Mức cụ thể do cơ sở dạy nghề quyết định nhưng tối đa không quá quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố.

2. Chi thông tin tuyên truyền:

Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân có chương trình, đề án, dự án thông tin tuyên truyền được cấp có thẩm quyền phê duyệt để phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ, kết quả mô hình, điển hình tiên tiến; thông qua:

Phương tiện thông tin đại chúng: Xây dựng kênh, chương trình, chuyên mục trang tin khuyến nông trên đài truyền hình, đài phát thanh, các báo Trung ương và địa phương; trang web, hộp thư điện tử khuyến nông; xuất bản các ấn phẩm khuyến nông.

2.3. Diễn đàn, hội thảo khuyến nông, hội nghị sơ, tổng kết: Chi thuê hội trường; tài liệu; tiền nước uống, báo cáo viên; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn, hội thảo, hội nghị.

Mức hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn, hội thảo, hội nghị theo quy định tại mục 1.4 khoản 1, Điều 6 của Quy định này.

2.4. Chi tham gia hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp:

Chi thông tin tuyên truyền hội chợ; chi hoạt động của Ban tổ chức.

Người sản xuất tham gia hội chợ, triển lãm hàng nông nghiệp được hỗ trợ 100% chi phí thuê gian hàng theo quy định của Ban tổ chức hội chợ, triển lãm;

2.5. Chi hội thi về các hoạt động khuyến nông cấp thành phố, tham gia Hội thi cấp vùng, cấp quốc gia: Chi thông tin, tuyên truyền, thuê hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc; chi thức ăn, hoá chất, vật tư, dụng cụ phục vụ cuộc thi (nếu có); chi đạo diễn và biên tập chương trình thi; chi hỗ trợ đưa đón thi sinh dự thi, chi khen thưởng và chi khác;

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

2.6. Xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông: Chi thuê đường truyền, mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật, và các khoản chi khác (nếu có).

3. Chi xây dựng các mô hình khuyến nông:

3.1. Nội dung:

a) Xây dựng mô hình thử nghiệm tiến bộ kỹ thuật mới: Từ kết quả mô hình thử nghiệm tiến bộ kỹ thuật mới để xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ;

b) Xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, quy trình sản xuất nông nghiệp tiên tiến phù hợp với Thành phố.

c) Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp: Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân Thành phố phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao;

d) Xây dựng các loại mô hình khuyến nông đa dạng, tổng hợp.

đ) Xây dựng mô hình cơ giới hóa, bảo quản chế biến, ngành nghề nông thôn.

e) Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

3.2. Mức hỗ trợ:

a. Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình.

(1) Mô hình sản xuất nông nghiệp (gồm: Mô hình thử nghiệm tiến bộ kỹ thuật mới; mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ, quy trình sản xuất nông nghiệp tiên tiến; các loại mô hình khuyến nông đa dạng, tổng hợp): Ở địa bàn khó khăn, xã nghèo được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn gia súc, gia cầm, thức ăn thủy sản); ở địa bàn còn lại được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu.

(2) Mô hình cơ giới hóa nông nghiệp, bảo quản chế biến, ngành nghề nông thôn được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị: ở địa bàn khó khăn, xã nghèo được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/mô hình; ở địa bàn còn lại hỗ trợ tối đa 50%, nhưng không quá 75 triệu đồng/mô hình.

(3) Mô hình ứng dụng công nghệ cao hỗ trợ tối đa 30% tổng kinh phí mô hình nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

(4) Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững: Hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình.

b. Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình tính bằng mức lương tối thiểu/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

c. Chi triển khai mô hình:

(1) Tập huấn cho người tham gia mô hình và chi khác (nếu có). Mức chi hỗ trợ theo quy định tại điểm c mục 3.2 khoản 3 Điều 5 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN.

(2) Hội nghị đầu bờ, tổng kết mô hình. Mức chi hỗ trợ theo quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố về chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

d. Định mức, quy mô, điểm thực hiện mô hình khuyến nông:

- Mô hình khuyến nông được thực hiện tại thôn, bản hoặc hợp tác xã, hoặc xã, hoặc quận, huyện, vùng tùy theo tính chất và tác động nhân rộng của từng loại mô hình. Một mô hình thực hiện tối đa 5 điểm. Mỗi điểm thực hiện tối đa 02 lần đối với chu kỳ mô hình 6 tháng trở xuống, 01 lần đối với chu kỳ mô hình trên 6 tháng.

- Đối với dự án, mô hình khuyến nông thời gian thực hiện tối đa là 3 năm.

- Quy mô, định mức kinh tế kỹ thuật đối với mô hình khuyến nông, thực hiện theo quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố.

4. Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng: Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ. Mức chi 15 triệu đồng /1mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến; trong đó mức hỗ trợ cho người tham gia triển khai mô hình, giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật áp dụng quy định tại điểm c, mục 1.4, khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

5. Chi mua bản quyền tác giả, mua công nghệ mới gắn với chương trình, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

6. Biên soạn và in giáo trình, tài liệu mẫu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn nông dân: áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp.

7. Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông; thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông:

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

a. Căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, Thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, mô hình khuyến nông quyết định lựa chọn thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài; hình thức thuê (theo thời gian hoặc theo sản phẩm) cho phù hợp. Mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia bảo đảm phù hợp giữa yêu cầu của công việc và trình độ của chuyên gia (đối với mức thuê chuyên gia từ 1.000 USD/người/tháng trở lên phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt).

b. Trường hợp phải thuê chuyên gia có kinh nghiệm trong nước và nước ngoài để đánh giá hoạt động khuyến nông, căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định thuê chuyên gia, hình thức thuê (theo thời gian hoặc theo sản phẩm) cho phù hợp; mức chi theo hợp đồng thực tế thỏa thuận với chuyên gia bảo đảm phù hợp giữa yêu cầu công việc và trình độ của chuyên gia.

8. Chi tham quan, học tập trong nước, nước ngoài:

Mức chi thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác trong nước và công tác ngắn hạn ở nước ngoài do ngân sách đảm bảo kinh phí;

Việc tổ chức đoàn tham quan học tập ở nước ngoài phải được Uỷ ban nhân dân Thành phố quyết định và dự toán chi được Sở Tài chính thẩm định.

9. Mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Việc mua sắm trang thiết bị thực hiện theo quy định hiện hành.

10. Chi quản lý chương trình, dự án, mô hình khuyến nông:

a. Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông được sử dụng tối đa không quá 2% kinh phí khuyến nông do cấp có thẩm quyền giao hàng năm để hỗ trợ xây dựng các chương trình, dự án, kiểm tra, giám sát đánh giá theo quy định.

b. Đối với đơn vị thực hiện chương trình, dự án, mô hình khuyến nông được chi không quá 3% dự toán của chương trình, dự án, mô hình khuyến nông để chi công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, xăng dầu, thuê phương tiện, công tác phí, văn phòng phẩm, thuê dịch vụ, nghiệm thu chương trình, đề án, dự án, mô hình và các khoản chi khác liên quan thực hiện hoạt động khuyến nông (nếu có).

Điều 7. Điều kiện để thực hiện và tham gia các mô hình khuyến nông

1. Điều kiện người sản xuất được hỗ trợ xây dựng mô hình khuyến nông:

a) Có đơn xin tham gia và cam kết có khả năng đầu tư, đối ứng vốn cho mô hình phù hợp với yêu cầu kỹ thuật của chương trình, đề án, dự án, mô hình.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ theo tiến độ và tương ứng với tỷ lệ đầu tư, đối ứng thực tế của chủ mô hình.

b) Có địa điểm thuận lợi để thực hiện có hiệu quả mô hình và phù hợp với nội dung, quy trình kỹ thuật của mô hình.

c) Chưa nhận hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của ngân sách Thành phố trong một nội dung của mô hình, dự án.

2. Điều kiện đơn vị tham gia thực hiện triển khai chương trình, đề án, dự án, mô hình khuyến nông:

a) Có chức năng, nhiệm vụ phù hợp với lĩnh vực thuộc chương trình, đề án, dự án, mô hình khuyến nông;

b) Đủ năng lực để thực hiện các chương trình, đề án, dự án, mô hình khuyến nông: cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ và nhân viên kỹ thuật, thực tiễn sản xuất kinh doanh.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông

Việc lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với hoạt động khuyến nông thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và theo Điều 8 Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN của liên Bộ Tài chính và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông và các quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố. Cụ thể như sau:

1. Lập dự toán: Hàng năm, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách, chế độ, định mức kinh tế kỹ thuật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn – đối với ngân sách cấp thành phố (phòng Kinh tế - đối với ngân sách cấp huyện) lập dự toán kinh phí khuyến nông, gửi Sở Tài chính (phòng Tài chính kế hoạch) để tổng hợp vào dự toán ngân sách của địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp trình Hội đồng nhân dân theo quy định.

2. Phân bổ và giao dự toán:

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn lập phương án phân bổ kinh phí khuyến nông cho các đơn vị dự toán trực thuộc được giao nhiệm vụ thực hiện, gửi Sở Tài chính để thẩm tra. Phòng Kinh tế cấp huyện lập phương án phân bổ kinh phí khuyến nông gửi phòng Tài chính kế hoạch cấp huyện để thẩm tra phân bổ.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

Phương án phân bổ kinh phí khuyến nông chi tiết theo từng chương trình, đề án, dự án khuyến nông gửi Sở Tài chính (phòng Tài chính kế hoạch – đối với ngân sách cấp huyện) thẩm tra, phân bổ theo quy định.

Đối với ngân sách cấp Thành phố: Sau khi có văn bản của Sở Tài chính về phương án phân bổ dự toán, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định phân bổ dự toán kinh phí khuyến nông cho Trung tâm khuyến nông; đồng gửi Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước cùng cấp, Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị mở tài khoản giao dịch để phối hợp thực hiện.

Đối với ngân sách cấp huyện: Sau khi có ý kiến thẩm định của phòng Tài chính kế hoạch về phương án phân bổ dự toán, báo cáo Uỷ ban nhân dân cấp huyện quyết định, phòng Kinh tế hoặc đơn vị được giao tổ chức thực hiện dự toán theo quy định.

3. Chấp hành dự toán

a. Căn cứ vào dự toán chi ngân sách nhà nước của đơn vị được cấp có thẩm quyền giao, các cơ quan, đơn vị thực hiện rút dự toán tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch.

Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi kinh phí khuyến nông theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, cấp phát, thanh toán các khoản chi ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước theo các định mức, chế độ chi tiêu hiện hành và các quy định tại Quy định này.

b. Sau khi kết thúc niên độ năm tài chính, đơn vị được giao kinh phí thực hiện chương trình, đề án, dự án, mô hình khuyến nông phải nghiệm thu, đánh giá tiến độ, kết quả, hiệu quả kinh tế-xã hội; khả năng nhân rộng của dự án, mô hình cũng như sự tác động các chương trình, đề án, dự án, mô hình đối với việc phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn Thành phố. Báo cáo nghiệm thu gửi về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để nhận xét và đánh giá kết quả thực hiện chương trình, đề án, dự án, mô hình khuyến nông. Việc đánh giá theo mức độ xuất sắc, khá, đạt yêu cầu và không đạt yêu cầu. Trường hợp không đạt yêu cầu cần phải xác định rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan và trách nhiệm của tập thể, cá nhân trong việc tổ chức thực hiện.

4. Quyết toán kinh phí khuyến nông

a. Báo cáo quyết toán: Các cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí khuyến nông lập báo cáo quyết toán theo đúng mẫu biểu, thời hạn nộp theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Báo cáo quyết toán kèm theo danh mục các chương trình, đề án, dự án, mô hình đã được giao trong năm thực hiện quyết toán chi tiết theo nội dung chi của Quy định này.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

b. Xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán: Việc xét duyệt và thẩm định quyết toán kinh phí khuyến nông hàng năm thực hiện theo Thông tư số 01/2007/TT-BTC ngày 02/01/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn xét duyệt, thẩm định và thông báo quyết toán năm đối với cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ và ngân sách các cấp, và theo các quy định hiện hành.

Đối với các dự án khuyến nông trình tự lập, thẩm định, phê duyệt và quyết toán thực hiện theo quy định hiện hành của Trung ương và Thành phố.

c. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khuyến nông theo quy định tại Quyết định này được phản ánh và quyết toán vào Loại 010 khoản 014 "Các hoạt động dịch vụ nông nghiệp"; theo chương tương ứng và chi tiết theo Mục lục Ngân sách nhà nước.

Điều 9. Trách nhiệm của các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã.

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Xây dựng dự toán kinh phí khuyến nông hàng năm, gửi Sở Tài chính tổng hợp trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt để tổ chức thực hiện.

b) Phê duyệt kế hoạch và phân bổ dự toán kinh phí khuyến nông cho Trung tâm Khuyến nông và các đơn vị thực hiện.

c) Rà soát điều chỉnh, bổ sung định mức kinh tế-kỹ thuật trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành theo thẩm quyền.

d) Hướng dẫn các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện thị xã trong việc tổ chức triển khai thực hiện.

đ) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (phòng Kinh tế) phối hợp với Sở Tài chính (phòng Tài chính Kế hoạch) kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện chương trình, đề án, dự án, mô hình khuyến nông thuộc ngân sách cấp mình, bảo đảm việc quản lý, sử dụng, quyết toán kinh phí khuyến nông đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả.

e) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá, báo cáo kết quả thực hiện chương trình, đề án, dự án, mô hình khuyến nông, định kỳ 6 tháng báo cáo UBND Thành phjố về hoạt động khuyến nông trên địa bàn Thành phố.

2. Sở Tài chính:

a) Tổng hợp dự toán kinh phí khuyến nông hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố, trình Hội đồng nhân dân Thành phố thông qua.

b) Phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất việc sử dụng kinh phí khuyến nông.

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn

c) Thẩm tra phân bổ, thanh quyết toán kinh phí khuyến nông theo quy định.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã:

a) Đảm bảo kinh phí cho hoạt động khuyến nông của cấp huyện.

b) Chỉ đạo các phòng Kinh tế, Tài chính kế hoạch; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các phòng, ban, đơn vị liên quan thực hiện tốt các nội dung về khuyến nông theo quy định tại Quyết định này;

c) Theo dõi, kiểm tra, đánh giá định kỳ 6 tháng báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT về hoạt động khuyến nông tại địa phương;

Điều 10. Điều khoản thi hành.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài chính để nghiên cứu, tổng hợp báo cáo trình UBND Thành phố sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Xuân Việt

LuatVietnam
www.vanbanluat.vn